

Bản án số: 89/2020/HS-ST  
Ngày 30/11/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Thúy và bà Phạm Hồng Thiêm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:**  
Ông Tô Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2020/TLST-HS ngày 30/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXXST-HS ngày 13/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/HSST-QĐ ngày 24/11/2020 đối với bị cáo:

**Phạm Thị N**, sinh ngày 02/10/1975 tại xã T2 (nay là thị trấn D), huyện T1, tỉnh T; Nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn D, huyện T1, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Quang T3 (sinh năm 1949) và bà Giang Thị H (sinh năm 1950); Có chồng là Phạm Như C (sinh năm 1976 – đã ly hôn năm 2014) và Tạ Đình B (sinh năm 1969 – đã ly hôn năm 2017); Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2003 và con sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bố đẻ là thương binh  $\frac{3}{4}$  được tặng huy chương kháng chiến hạng nhì; Bị cáo bị tạm giữ từ 12/8/2020 đến ngày 21/8/2020 chuyển tạm giam. Ngày 15/9/2020 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Hoàng Thị T4, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn Q, xã T5, huyện T1, tỉnh T. (Vắng mặt)

- Anh Đỗ Mạnh T6, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn D, huyện T1, tỉnh T. (Vắng mặt)

- Anh Đào Tuấn A, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ dân phố B1, thị trấn D, huyện T1, tỉnh T. (Vắng mặt)

*\* Người làm chứng:*

- Anh Đào Thanh H1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ dân phố N1, thị trấn D, huyện T1, tỉnh T. (Vắng mặt)

- Ông Đào Như Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ dân phố N1, thị trấn D, huyện T1, tỉnh T. (Có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết nhau nên khoảng đầu tháng 8/2020, Hoàng Thị T4 là người bán dâm có trao đổi với Phạm Thị N là nhân viên dọn phòng nhà nghỉ H2 (có địa chỉ tại tổ dân phố N1, thị trấn D, huyện T1) về việc nếu có khách đến nhà nghỉ có nhu cầu mua dâm thì N giới thiệu cho T4 để bán dâm, mỗi lần bán dâm cho khách là 300.000đ, T4 sẽ chia cho N 50.000đ tiền môi giới và được N đồng ý.

Vào khoảng 20 giờ ngày 11/8/2020, Đào Tuấn A rủ Đỗ Mạnh T6 đi mua dâm. Do quen biết N nên Tuấn A đã gọi điện hỏi "Cô có em nào không, gọi cho cháu hai đứa, bọn cháu có hai anh em", N đồng ý rồi điện thoại cho Hoàng Thị T4 và nói "Lên có khách". T4 hiểu ý là lên nhà nghỉ H2 bán dâm. Khoảng 15 phút sau, Tuấn A cùng T6 đến nhà nghỉ H2 gặp N, Tuấn A hỏi N về gái bán dâm và giá cả mua dâm; N trả lời "300.000đ một đứa, hai đứa là 700.000đ cả tiền thuê phòng". Tuấn A đưa cho N 800.000đ, còn thừa 100.000đ N bảo Tuấn A khi nào xong thì ra N trả lại do chưa có tiền trả lại. Sau đó, N chỉ Tuấn A vào phòng 201, T6 vào phòng 202 nhà nghỉ đợi T4 đến. Khoảng 5 phút sau T4 đến nhà nghỉ gặp N ở quầy lễ tân, N nói với T4 "có hai khách đang đợi ở phòng 201 và 202" rồi T4 lấy bao cao su đi vào phòng 201 bán dâm cho Tuấn A. T4 quan hệ tình dục với Tuấn A tại phòng 201 cho đến khi Tuấn A xuất tinh xong, T4 đi ra ngoài khu vực hành lang thì gặp N, N đưa cho T4 600.000đ và nói tiền mua dâm của hai khách phòng 201 và 202, T4 cầm tiền và nói tỷ sẽ đưa cho N số tiền môi giới bán dâm. T4 đi đến quầy lễ tân lấy bao cao su đi vào phòng 202 bán dâm cho T6, lúc này N cầm 100.000đ tiền thuê phòng nghỉ đưa cho Đào Thanh H1 là nhân viên quản lý nhà nghỉ, H1 cầm tiền nhưng không biết việc khách đến mua dâm, đồng thời cũng không ghi vào sổ quản lý kinh doanh dịch vụ lưu trú theo quy định. Đến khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, khi T4 và T6 đang quan hệ tình dục thì bị tổ công tác Công an huyện T1 kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Thị N về hành vi môi giới mại dâm và quản lý, niêm phong vật chứng có liên quan.

Vật chứng được quản lý gồm:

+ 02 bao cao su đã qua sử dụng bên trong chứa chất dịch màu trắng, 02 vỏ bao cao su đã bị xé rách thu giữ tại phòng 201 và 202 được đựng trong 02 phong bì niêm phong.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model RM-1187 màu đen đã qua sử dụng quản lý của Phạm Thị N.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng ốp nhựa cao su màu hồng đã qua sử dụng quản lý của Hoàng Thị T4.

+ 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) gồm 03 tờ tiền 200.000đ thu giữ của

Hoàng Thị T4 và 100.000đ thu giữ của Phạm Thị N.

Bản cáo trạng số 88/CT-VKSTT ngày 29/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Phạm Thị N về tội "Môi giới mại dâm" theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị N đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị N phạm tội "Môi giới mại dâm".

Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 328, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ để sung vào N sách nhà nước. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào N sách nhà nước số tiền 600.000đ là số tiền thu giữ của Hoàng Thị T4, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Modell RM1187 đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Thị N, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng ốp nhựa cao su màu hồng đã qua sử dụng thu giữ của Hoàng Thị T4. Trả lại cho Đào Tuấn A số tiền 100.000đ thu giữ của Phạm Thị N. Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng bên trong có chứa chất dịch màu trắng, 02 vỏ bao cao su đã bị xé rách thu giữ tại phòng 201 và 202 nhà nghỉ H2.

Bị cáo phải nộp án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái và rất ân hận, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất và được hưởng án treo do bị cáo hiện không có chồng, đang phải chăm sóc bố mẹ già ốm và con nhỏ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại phiên tòa: Xét thấy anh Đào Tuấn A và anh Đỗ Mạnh T6 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, chị Hoàng Thị T4 có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, những người vắng mặt tại giai đoạn điều tra đã có lời khai đầy đủ nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Về hành vi và quyết định tố tụng của các Cơ quan tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình

điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng. Ngoài ra lời khai của bị cáo còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản tự khai, biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; Biên bản quản lý đồ vật, tài liệu.... Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận vào khoảng 20 giờ ngày 11/8/2020 tại nhà nghỉ H2, bị cáo Phạm Thị N đã đứng ra làm trung gian, môi giới để Hoàng Thị T4 thực hiện hành vi bán dâm cho Đào Tuấn A và Đỗ Mạnh T6 với giá 300.000đ/người và được hưởng lợi bất chính từ việc môi giới mại dâm là 100.000đ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Môi giới mại dâm" như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

***Điều 328. Tội Môi giới mại dâm***

*"1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

.....

*4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".*

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự xã hội đồng thời xâm phạm đến thuần phong mỹ tục của dân tộc ta. Hành vi môi giới bán dâm tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh, gây thiệt hại về vật chất, tinh thần cho nhiều gia đình, làm lây truyền nhiều bệnh xã hội nguy hiểm, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, việc đưa ra xét xử bị cáo là đúng quy định của pháp luật hình sự và cần phải áp dụng một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo, thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bố đẻ của bị cáo là thương binh, được tặng huân chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật

hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Từ những phân tích, nhận định về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trước khi phạm tội, bị cáo là công dân chấp hành tốt chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân, có xác nhận của địa phương ở nơi cư trú. Bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc khoản 1, một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đang một mình chăm sóc bố mẹ già ốm đau và con nhỏ, xét thấy có khả năng tự cải tạo, việc không cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội cũng không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, phòng ngừa, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, cũng như đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp của nước ta khi xây dựng Bộ luật hình sự hiện hành, đề cao hiệu quả phòng ngừa, tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội và trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm theo hướng giảm bớt hình phạt tù, mở rộng các hình phạt khác. Ngoài ra, cho bị cáo hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú, giám sát, giáo dục vừa thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật, chính sách nhân đạo của Đảng và nhà nước ta, vừa tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy là phù hợp. Bị cáo môi giới mại dâm nhằm mục đích thu lợi bất chính, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Tuy nhiên bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hiện nay không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị, đồng thời đang chăm sóc bố mẹ già nên Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền ở mức thấp hơn mức khởi điểm của khung hình phạt đối với bị cáo, xử phạt bị cáo Phạm Thị N 5.000.000đ sung công quỹ nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự : Số tiền 600.000đ thu giữ của Hoàng Thị T4 dù không phải là tiền phạm tội nhưng có liên quan đến hành vi phạm tội và sử dụng vào giao dịch trái pháp luật, chưa được cơ quan có thẩm quyền xử lý khi xử phạt hành chính đối với Hoàng Thị T4 nên tịch thu sung công quỹ nhà nước; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model RM-1187 màu đen đã qua sử dụng quản lý của Phạm Thị N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng ốp nhựa cao su màu hồng đã qua sử dụng quản lý của Hoàng Thị T4 là công cụ, phương tiện có liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. 02 bao cao su đã qua sử dụng bên trong chứa chất dịch màu trắng, 02 vỏ bao cao su đã bị xé rách thu giữ tại phòng 201 và 202 được đựng trong 02 phong bì niêm phong có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Trả lại cho Đào Tuấn A số tiền 100.000đ thu giữ của Phạm Thị

N là số tiền thừa của Đào Tuấn A trả tiền phòng và tiền mua đêm nhưng N chưa kịp trả lại.

[8] Về các vấn đề khác:

[8.1] Đối với Đào Tuấn A, Đỗ Mạnh T6, Hoàng Thị T4 là những người mua bán đêm nên Công an huyện T1 đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[8.2] Đối với ông Đào Như Đ là chủ nhà nghỉ H2 và Đào Thanh H1 là nhân viên quản lý nhà nghỉ, quá trình điều tra làm rõ ông Đ và anh H1 không biết, không chỉ đạo N môi giới mại dâm tại nhà nghỉ nhưng ông Đ đã thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mại dâm tại nhà nghỉ của mình còn anh H1 đã không thực hiện đầy đủ các quy định về an ninh trật tự đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện nên Công an huyện T1 đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với anh H1 và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T1 ra quyết định xử phạt hành chính đối với ông Đ là đúng quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Phạm Thị N phạm tội "*Môi giới mại dâm*".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 328, điểm i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51, Điều 50, khoản 2 Điều 35, Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị N 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 5.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Phạm Thị N cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T1, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**2. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 600.000đ thu giữ của Hoàng Thị T4, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model RM-1187 màu đen đã qua sử dụng quản lý của Phạm Thị N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng ốp nhựa cao su màu hồng đã qua sử dụng quản lý của Hoàng Thị T4.

- Trả lại Đào Tuấn A số tiền 100.000đ thu giữ của Phạm Thị N.

- Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã quan sử dụng bên trong có chứa chất dịch màu trắng, 02 vỏ bao cao su đã bị xé rách thu giữ tại phòng 201 và 202 nhà nghỉ H2.

*(Các tài sản, đồ vật trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/10/2020 tại Chi cục thi hành án huyện Thái Thụy)*

**3. Về án phí:** Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Thị N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự  
Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/11/2020). Tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lên hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Công an huyện TI;
- UBND Thị trấn D;
- Sở tư pháp tỉnh T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Đào Thị Xuân Quỳnh**